

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2025

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Phạm Thanh Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- **Bị đơn:** Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 anh và chị N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung với nhau được vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Khoảng năm 2022, anh và chị N thỏa thuận ly hôn. Tuy nhiên, sau đó chị N mang thai rồi vợ chồng tiếp tục chung sống lại với nhau. Gần đây vợ chồng tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được

tiếng nói chung và ly thân khoảng 01 năm nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu xin ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 22/10/2023 do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi Kim A thành niên.

Về nợ chung: Anh xác định không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh cam kết ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người khác.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về lối sống, mặc dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị đồng ý ly hôn với anh T để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 22/10/2023 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con. Chị để anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh T được ly hôn với chị N; giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi Kim A thành niên. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh T và chị N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào năm 2023 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, anh T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Khoảng năm 2022, anh chị thỏa thuận ly hôn, tuy nhiên, sau đó chị N mang thai rồi vợ chồng tiếp tục chung sống lại với nhau. Gần đây vợ chồng tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và ly thân khoảng 01 năm nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Còn chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về lối sống, mặc dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị đồng ý ly hôn với anh T để mỗi người có cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau anh T và chị N có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị N.

[4] Về con chung: anh T và chị N có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 22/10/2023 do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy, chị N có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với lợi ích của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con. Anh T có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi Kim A thành niên.

[5] Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh chị xác định không có tài sản chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 22/10/2023 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi Kim A thành niên.

3. Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh chị xác định không có tài sản chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005230 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Xuyến thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh